TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT, TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** ----------

Bản án số: 198/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT- THÀNH PHỐ HÀNỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Chiến
Bà Nguyễn Thị Mai

- *Thư ký phiên toà*: Bà Hoàng Thị Hải Uyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cấn Thị Thu Đ, sinh năm 1991
Nơi thường trú: Thôn CT, xã KQ, huyện TT, thành phố Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: Thôn 84, xã KQ, huyện TT, thành phố Hà Nội; Có mặt.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986
Nơi thường trú: Thôn CT, xã KQ, huyện T, thành phố Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: Thôn 84, xã KQ, huyện T, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Cấn Thị Thu Đ **trình bày:**

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu khoảng bảy tháng. Hai bên tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã KQ, huyện TT, Thành phố Hà Nội vào ngày 06/6/2011. Có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau khi kết hôn chị về sống với anh T tại thôn CT, xã KQ, huyện TT, thành phố Hà Nội được khoảng hai tháng rồi vợ chồng chị thuê nhà tại thôn 84, xã KQ, huyện TT sống. Vợ chồng chị vẫn thường qua lại ở thôn CT vì vẫn còn bà ngoại anh T sống ở đó. Đến năm 2014, bà ngoại anh T chết thì vợ chồng chị ít về hơn. Thời gian đầu, vợ chồng chị sống hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Do anh T chơi bời dẫn đến nợ nần từ năm 2011. Chị khuyên bảo anh T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị thấy ảnh hưởng đến tâm lý của mình và việc học tập của các con nên từ tháng 12 năm 2016, vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng và đời sống chung không thể tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Vợ chồng chị kết hôn sinh được 02 con chung là Nguyễn Phúc A, sinh ngày 26/9/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo S, sinh ngày 20/12/2015. Hiên nay các cháu đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T **trình bày:** Về điều kiện kết hôn như chị Cấn Thị Thu Đ khai là đúng.

Sau khi được hai bên gia đình tổ chức dám cưới theo phong tục của địa phương chị Đ về sống cùng anh và bà ngoại tại thôn CT, xã KQ, huyện TT được vài năm. Sau đó, vợ chồng anh mượn nhà của cậu chị Đ là ông Lê Cao Bá L ở từ đó đến nay. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nhưng đó là mâu thuẫn nhỏ. Hiện tại vợ chồng anh và hai con vẫn sinh sống cùng một nhà tại thôn 84, xã KQ, huyện TT. Chị Cấn Thị Thu Đ xin ly

hôn anh không đồng ý. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con khôn lớn. Bản thân anh vẫn hướng về gia đình và anh đang nỗ lực để phát triển cuộc sống gia đình. Hơn nữa, trên thực tế vợ chồng anh vẫn chung sống hòa thuận.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Phúc A, sinh ngày 26/9/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo S, sinh ngày 20/12/2015. Các con vẫn đang sống với vợ chồng anh tại thôn 84, xã KQ, huyện TQ. Anh không đồng ý ly hôn nên không đồng ý để chị Đ nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Tại phiên tòa chị Cấn Thị Thu Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn T do mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ không có nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật, việc thu thập chứng cứ, cấp tống đặt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cấn Thị Thu Đ về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về án phí: Chị Cấn Thị Thu Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Cấn Thị Thu Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T1 đều vắng mặt nên Toà án không hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện TT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cấn Thị Thu Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KQ, huyện TQ, thành phố Hà Nội vào ngày 06/6/2011. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh chị sống với nhau đã có thời gian hòa thuận, hanh phúc. Đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Do anh T ham chơi không quan tâm đến gia đình, dẫn đến việc nợ nần. Chị khuyên bảo anh hứa thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Cấn Thị Thu Đ kiên quyết xin ly hôn anh Nguyễn Văn T do tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh T vắng mặt nhưng anh có bản tự khai thể hiện anh và chị Đ tuy có mâu thuẫn vợ chồng nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Cho nên, chị Đ xin ly hôn anh không đồng ý và xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy các con khôn lớn. Hơn nữa, anh cùng chị Đ và các con vẫn chung sống với nhau bình thường.

Xác minh tại chính quyền Ủy ban nhân xã K, huyện T cho biết: Chị Cấn Thị Thị Thu Đ và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã KQ, huyện TT, thành phố Hà Nội. Khoảng ba năm nay, vợ chồng anh T và các con sống ở thôn 84, xã KQ, huyện TT, thành phố Hà Nội. Quá trình sống chung sống vợ chồng anh T chị Đ xảy ra mâu thuẫn như thế nào chính thôn, xã không nắm được. Ở thôn cũng không thấy chị Đ có ý kiến gì về mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng anh chị vẫn chung sống với nhau bình thường tại thôn 84, xã KQ, huyện TT.

Thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung vẫn tồn tại nên căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu của chị Cấn Thị Thu Đ xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về án phí: Chị Cấn Thị Thu Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cấn Thị Thu Đ về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về án phí: Chị Cấn Thị Thu Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0032215 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Cấn Thị Thu Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận *- TAND thành phố Hà Nội*; *- VKSND huyện TT;* *- THADS huyện TT;* *- UBND xã Phú Kim;* *- Những người tham gia tố tụng;* *- Lưu hồ sơ vụ án.*	**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà** **Nguyễn Thị Ngọc Yên**
